

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Lê Thanh L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 22 thôn A, xã Diên Lạc, huyện B, tỉnh C.

- Bà Đỗ Thị Xuân H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 31 đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn yêu cầu đề ngày 01/3/2019, ông L, bà H cùng yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn. Ông L, bà H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện E, tỉnh F theo giấy chứng nhận kết hôn số 81/2016 ngày 07/10/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà H là hợp pháp. Theo ông L, bà H cùng trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2017. Nay nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông L, bà H thỏa thuận giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Vân K (giới tính nữ), sinh ngày 14/5/2014 và Nguyễn Quang M (giới tính nam), sinh ngày 14/7/2017 cho bà Đỗ Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông

Nguyễn Lê Thanh L cấp dưỡng nuôi hai con chung là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/4/2019 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 03310038342XX, chủ tài khoản Đỗ Thị Xuân H, ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bến Thành, cho đến khi con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê Thanh L và bà Đỗ Thị Xuân H thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện E, tỉnh F cấp ngày 07/10/2016).

- Về con chung: Ông L, bà H thỏa thuận giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Vân K (giới tính nữ), sinh ngày 14/5/2014 và Nguyễn Quang M (giới tính nam), sinh ngày 14/7/2017 cho bà Đỗ Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Lê Thanh L cấp dưỡng nuôi hai con chung là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ ngày 15/4/2019 bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 03310038342XX, chủ tài khoản Đỗ Thị Xuân H, ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bến Thành, cho đến khi con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Lê Thanh L và bà Đỗ Thị Xuân H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Lê Thanh L và bà Đỗ Thị Xuân H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0007258 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Lê Thanh L và bà Đỗ Thị Xuân H đã nộp đủ.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi

hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND thị trấn D, huyện E; tỉnh F;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh